**TRƯỜNG …………………………..**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY**

***Họ và tên giáo viên ......................................................................Môn:* *.......................................................***

***Bài dạy: ..................................................................................................................Lớp:................................***

***Họ tên người đánh giá: ........................................................................Chức vụ: .........................................***

**I. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ**

| **Các**  **lĩnh vực** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Kiến thức**  **( 5 điểm)** | 1.1. Xác định được vị trí, mục tiêu chuẩn KTKN, nội dung cơ bản, trọng tâm bài dạy. | 1 |  |
| 1.2. Giảng dạy KT cơ bản, chính xác, có hệ thống | 1 |  |
| 1.3. Nội dung dạy học đảm bảo giáo dục toàn diện (về thái độ tình cảm, thẩm mĩ) | 0,5 |  |
| 1.4. Khai thác nội dung dạy học nhằm phát triển năng lực học tập của HS. | 1 |  |
| 1.5. Nội dung dạy học phù hợp với tâm lý lứa tuổi, tác động tới các đối tượng, kể cả học sinh khuyết tật, học sinh lớp ghép (nếu có) | 1 |  |
| 1.6. Nội dung dạy học cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn, gắn với thực tế đời sống xung quanh của học sinh. | 0,5 |  |
| **II. Kỹ năng**  **(7 điểm )** | 2.1. Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loại bài (lý thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập…) | 1 |  |
| 2.2.Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo của học sinh. | 2 |  |
| 2.3. Kiểm tra, nhận xét đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học và theo hướng đổi mới theo Thông tư. | 1 |  |
| 2.4. Xử lý các tình huống sư phạm phù hợp đối tượng và có tác dụng giáo dục. | 0,5 |  |
| 2.5. Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, kể cả đồ dùng dạy học tự làm có hiệu quả. | 1 |  |
| 2.6. Lời giảng mạch lạc truyền cảm ; nói viết chuẩn Tiếng Việt. Chữ viết đẹp, trình bày bảng hợp lý. | 0,5 |  |
| 2.7. Phân bổ thời gian đảm bảo tiến trình tiết dạy, đạt mục tiêu của bài dạy và phù hợp với thực tế của lớp học. | 1 |  |
| **III. Thái độ sư phạm**  **(3 điểm)** | 3.1. Tác phong sư phạm chuẩn mực, gần gũi với học sinh. | 1 |  |
| 3.2. Tôn trọng và đối xử công bằng với học sinh. | 1 |  |
| 3.3. Kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, động viên để mỗi học sinh được phát triển năng lực học tập. | 1 |  |
| **IV. Hiệu quả**  **(5 điểm )** | 4.1. Tiến trình tiết dạy hợp lý, nhẹ nhàng; các hoạt động học tập diễn ra tự nhiên, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học. | 1 |  |
| 4.2. HS tích cực, chủ động tiếp thu bài học, có tình cảm, thái độ đúng. | 1 |  |
| 4.3. Học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và biết vận dụng vào các luyện tập, thực hành ứng dụng sau tiết học. | 3 |  |
| **Cộng** | | 20 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. CÁCH XẾP LOẠI:**  ***1. Loại Tốt:*** Tổng điểm đạt từ 18 đến 20 điểm  **2. *Loại khá:*** Tổng điểm đạt từ 14 đến 17,5 điểm.  3. Loại Trung bình: Tổng điểm đạt từ 10 đến 13,5 điểm.  4. Loại Chưa đạt: Tổng điểm dưới 10 điểm. | Điểm tổng cộng: /20  Xếp loại:……………….  Cát Hải, ngày tháng năm 2023  Chữ ký người đánh giá |